TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 05-8-2021
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Bà Từ Thị Hải Dương
Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Sỹ
Ông Nguyễn Thái Sơn

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Kiều Oanh- Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình: Ông Nguyễn Anh Đức - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 7/7/2021và ngày 05/8/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2021/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung".

Do bản án sơ thẩm số 20/2021/HNGĐ-ST ngày 10/3/2021 của Toà án nhân dân huyện Minh Hóa bị kháng cáo.

Theo quyết Đ đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 905/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Thu Đ, sinh năm: 1979
Địa chỉ: Thôn Ô, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình, có mặt.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Dương Viết T – Văn phòng Luật sư B, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đinh Xuân M, sinh năm: 1976
Địa chỉ: Thôn Ô, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình

3. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
- Anh Đinh Xuân H1, sinh năm: 1985 và chị Đinh Thị Mỹ H, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Thôn Y, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Chị H ủy quyền cho anh H1 tham gia tố tụng, anh H1 có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M nhưng không liên quan đến nội dung kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm thì vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn chị Đinh Thị Thu Đ trình bày: Chị và anh Đinh Xuân M đăng ký kết hôn năm 1999 tại UBND xã H trên cơ sở yêu nhau tự nguyện. Vợ chồng sống yên ấm hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau gây mất đoàn kết gia đình. Vợ chồng có một thời gian sống ly thân và hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung, hiện nay 01 con đã trưởng thành lập gia đình riêng, còn 02 con dưới 18 tuổi là Đinh Thị Thu H, sinh ngày 02/10/2004, Đinh Xuân D, sinh ngày 22/02/2008. Sau khi ly hôn nguyện vọng của chị Đ là được nuôi dưỡng các con nhưng chị cũng tôn trọng ý kiến và nguyện vọng của các con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 thửa đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chị yêu cầu giải quyết chia cho chị một nửa để lấy đất làm nhà sinh sống và một ngôi nhà gỗ nhỏ.

Về nợ chung: Vợ chồng vay Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M số tiền 25.000.000 đồng, chị Đ yêu cầu mỗi người trả một nữa để trả cho ngân hàng. Về khoản vay cá nhân anh H1 và chị H số tiền 350.000.000 đồng chị không biết nên chị Đ không công nhận đây là khoản vay chung của hai vợ chồng.

Bị đơn anh Đinh Xuân M trình bày:

Quá trình tìm hiểu đi đến kết hôn anh nhất trí như trình bày của chị Đ. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên anh cũng nhất trí ly hôn. Về con chung như chị Đ trình bày là đúng. Sau khi ly hôn nguyện vọng của M là được nuôi dưỡng các con nhưng anh cũng tôn trọng ý kiến và nguyện vọng của các con. Nếu các con muốn ở với anh thì anh cũng nhất trí và yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho mỗi cháu.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 02 thửa đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và một ngôi nhà cấp 4 xây dựng trên đất.

Về nợ chung: Vay ngân hàng chính sách xã hội huyện M số tiền 25.000.000 đồng, anh M yêu cầu mỗi người trả một nửa. Ngoài ra, anh M và chị Đ còn vay cá nhân anh Đinh Xuân H1 và chị Đinh Thị Mỹ H ở xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình số tiền 350.000.000 đồng để làm nhà. Anh M yêu cầu chị Đ giao lại toàn bộ tài sản chung cho anh M sở hữu và sử dụng, anh M chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền vay cá nhân của anh H1 và chị H. Nếu chị Đ yêu cầu chia tài sản chung thì chị Đ phải có nghĩa vụ trả một nửa số tiền vay của anh H1 và chị H là 175.000.000 đồng.

Phần trình bày của anh Đinh Xuân H1 và chị Đinh Thị Mỹ H: Ngày 20/7/2020, vợ chồng anh H1 chị H có cho anh M và chị Đ vay số tiền 350.000.000 đồng để làm nhà, đến ngày 20/12/2020 là đến hạn trả nên anh H1 và chị H yêu cầu anh M và chị Đ phải trả nợ cho vợ chồng anh chị. Nếu không đúng

hẹn thì anh H1 và chị H sẽ tính lãi theo lãi suất ngân hàng và yêu cầu giải quyết theo pháp luật để đảm bảo việc thu hồi vốn cho vợ chồng anh chị.

Ngày 28/12/2020, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ các tài sản theo chị Đ và anh M kê khai và định giá các tài sản như sau:

+ Về đất: Toàn bộ thửa đất theo chị Đ dẫn đo đạc có tổng diện tích thửa đất 4.326m^2: Cạnh phía Bắc giáp đường giao thông dài 64,83m; Cạnh phía Nam giáp đất trồng cây hàng năm khác dài 58,89m; cạnh phía Đông giáp đất ông Đinh Xuân L dài 64,81m; cạnh phía Tây giáp đất trồng cây lâu năm dài 73,62m.

Trên thửa đất có 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc hai chủ sử dụng, trong đó có hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh M, chị Đ, một giấy chứng nhận nhận quyền sử dụng đất mang tên anh H1, chị H.

Thửa thứ nhất có diện tích 1.718,5m^2 thuộc quyền sử dụng đất của anh Đinh Xuân H1 và chị Đinh Thị Mỹ H có tứ cận như sau: Cạnh phía Bắc giáp đường giao thông dài 24m; cạnh phía Nam giáp đất trồng cây hàng năm dài 24m; cạnh phía Đông giáp đất anh Đinh Xuân M dài 71,38m; cạnh phía Tây giáp đất trồng cây lâu năm dài 73,62m. Trên thửa đất có một ngôi nhà do anh Đinh Xuân H1 xây dựng.

Thửa đất thứ hai có diện tích 491,2m^2 tại thôn Ô, xã H, huyện M: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 284823, thửa đất số 359, tờ bản đồ số 8, thuộc quyền sử dụng đất của anh Đinh Xuân M và chị Đinh Thị Thu Đ có tứ cận như sau: Cạnh phía Bắc giáp đường giao thông dài 7m; cạnh phía Nam giáp đất trồng cây hàng năm dài 7m; cạnh phía Đông giáp đất anh Đinh Xuân M dài 70,74m; Cạnh phía Tây giáp đất anh Đinh Xuân H1 dài 71,38 m.

Thửa đất thứ ba có diện tích 2.116,3m^2 tại thôn Ô, xã H, huyện M, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 284824, thửa đất số 358, tờ bản đồ số 8, thuộc quyền sử dụng đất của anh Đinh Xuân M và chị Đinh Thị Thu Đ có tứ cận như sau: Cạnh phía Bắc giáp đường giao thông dài 33,83 m; cạnh phía Nam giáp đất trồng cây hàng năm dài 27,89 m; cạnh phía Đông giáp đất ông Đinh Xuân L dài 64,81m. Trên thửa đất có một ngôi nhà cấp 4 diện tích 106m^2; 01 cây xoài và các cây bụi rậm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/HNGĐ-ST ngày 10/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa đã quyết định:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 157, 227, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 213, 219, 268 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, 29, 33, 37, 38, 51, 55, 62, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thị Thu Đ và anh Đinh Xuân M.

2. Về con chung: Xử giao anh Đinh Xuân M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Đinh Xuân D, sinh ngày 22/02/2008 và cháu Đinh Thị Thu H, sinh ngày 02/10/2004. Chị Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Việc cấp dưỡng kể từ tháng 4 năm 2021.

Không ai được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung, khi cần thiết vì quyền lợi của con, một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Giao cho chị Đ được quyền sử dụng 1.061,7m^2 đất thuộc thửa đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 284824, thửa đất số 358, tờ bản đồ số 8, địa chỉ thôn Ô, xã H, huyện M, trong đó gồm 70m^2 đất ở và 991,7m^2 đất trồng cây lâu năm có giá trị 22.214.000. Đất giao cho chị Đ có tứ cận như sau: Cạnh phía Bắc giáp đường giao thông dài 16m; cạnh phía Nam giáp đất trồng cây hàng năm dài 15,96m; cạnh phía Đông giáp đất ông Đinh Xuân L dài 64,81m; cạnh phía Tây giáp đất được chia cho anh Đinh Xuân M dài 71,08m. Chị Đ được sở hữu 01 cây xoài trồng trên đất có giá trị 551.000 đồng.

Giao cho anh M được quyền sử dụng thửa đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 284823, thửa đất số 359, tờ bản đồ số 8, có tứ cận như sau: Cạnh phía Bắc giáp đường giao thông dài 7m; cạnh phía Nam giáp đất trồng cây hàng năm dài 7m; cạnh phía Đông giáp đất anh Đinh Xuân M dài 70,74m; cạnh phía Tây giáp đất anh Đinh Xuân H1 dài 71,38m. Diện tích 491,2m^2 tại thôn Ô, xã H, huyện M.

Giao cho anh M được quyền sử dụng 1.054,6m^2 đất thuộc thửa đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 284824, thửa đất số 358, tờ bản đồ số 8 địa chỉ thôn Ô, xã H, huyện M. Trong đó gồm 80m^2 đất ở và 974,6m^2 đất trồng cây lâu năm. Tứ cận thửa đất được giao cho anh M như sau: Cạnh phía Bắc giáp đường giao thông dài 17,82m; cạnh phía Nam giáp đất trồng cây hàng năm được chia ra hai cạnh (một cạnh dài 6,23m và một cạnh dài 6,93m); cạnh phía Đông giáp đất được chia cho chị Đ dài 71,08m; cạnh phía Tây giáp đất được giao cho anh Đinh Xuân M dài 71,38m và anh M được quyền sở hữu ngôi nhà cấp 4 tường xây blô, tô trát hoàn chỉnh, mái lợp tôn, địa chỉ nhà tại thôn Ô, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình.

4. Về khoản vay chung:

Giao cho chị Đ có trách nhiệm trả cho anh Đinh Xuân H1 và chị Đinh Thị Mỹ H ½ số tiền vay là 175.000.000 đồng và lãi phát sinh đến tại thời điểm xét xử là 3.402.500 đồng và chị Đ chịu trách nhiệm trả ½ số tiền vay tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện M, tỉnh Quảng Bình số tiền là 12.500.000 đồng tại sổ vay MKH300090206 vay ngày 17/6/2020.

Giao cho anh M có trách nhiệm trả cho anh Đinh Xuân H1 và chị Đinh Thị Mỹ H ½ số tiền vay là 175.000.000 đồng và lãi phát sinh đến tại thời điểm xét xử là 3.402.500 đồng và anh M chịu trách nhiệm trả ½ số tiền vay tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện M, tỉnh Quảng Bình là 12.500.000 đồng và lãi phát sinh đến tại thời điểm xét xử là 115.500 đồng, tại sổ vay MKH300090206 vay ngày 17/6/2020.

Buộc anh M có nghĩa vụ trả tiền chênh lệnh chia tài sản cho chị Đ số tiền là: 111.347.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 22/3/2021 nguyên đơn chị Đinh Thị Thu Đ có đơn kháng cáo với các nội dung: Xem xét lại tài sản chung là thửa đất theo trang số 64, 65; số thứ tự thửa đất 123; số thứ tự bản đồ số 08, ngày vào sổ 29/8/2007 diện tích 3.926m^2 nhưng khi xét xử chỉ còn lại 2.116,3m^2; Xem xét chấp nhận việc ủy quyền của chị Đ cho ông Đinh Ngọc V; Làm rõ việc anh M và chị Đ vay nợ số tiền 350.000.000 đồng của anh Đinh Xuân H1 và chị Đinh Thị Mỹ H; Làm rõ việc anh Đinh Xuân H1 xây dựng nhà trái phép trên đất của nguyên đơn và xem xét lại quyền nuôi con vì hai cháu Đinh Thị Thu H và Đinh Xuân D đã có đơn trình bày nguyện vọng được ở với mẹ.

Ngày 24/3/2021 bị đơn anh Đinh Xuân M có đơn kháng cáo với các nội dung: Yêu cầu chia tài sản chung cho chị Đ hưởng 1/3, anh M và các con được hưởng 2/3 giá trị tài sản chung và yêu cầu chị Đ trả tiền công chăm sóc nuôi con cho anh M trong thời gian 10 năm chị Đ bỏ nhà đi là 300.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 07/7/2021, chị Đinh Thị Thu Đ rút một phần kháng cáo, cụ thể, chị chỉ kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét về khoản nợ chung Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị và anh M trả cho anh H1, chị H là không đúng vì chị không vay mượn; Kháng cáo yêu cầu xem xét việc chuyển nhượng đất cho anh H1, chị H là không có thật vì chị không chuyển nhượng, không ký vào hợp đồng chuyển nhượng. Chị đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để giám Đ chữ ký của chị ghi trên hợp đồng chuyển nhượng đất cho anh H1. Phía bị đơn anh M trình bày ý kiến: Khoản nợ anh H1 là vay để xây nhà vì nhà bị mối mọt không có chỗ cho các con ở. Khi chị Đ đi miền Nam về thì vợ chồng thống nhất chốt khoản nợ đó và chị Đ đồng ý ký vào giấy vay nợ. Về hợp đồng chuyển nhượng đất thì vợ chồng cùng anh H1, chị H thỏa thuận chuyển nhượng, ký tại UBND xã H. Anh M đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị Đ và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh M.

Anh Đinh Xuân H1 trình bày: Nhà anh M quá dột nát nên mượn tiền vợ chồng anh H1 để xây nhà. Sau khi chị Đ đi miền nam về thì xác nhận số nợ đã vay để làm nhà. Việc chuyển nhượng đất vào năm 2019. Sau khi nhận chuyển nhượng thì anh mới làm nhà năm 2020.

Hội đồng xét xử ngừng phiên tòa và thông báo cho chị Đ nộp tạm ứng chi phí giám định chữ ký trên hợp đồng chuyển nhượng đất. Tuy nhiên chị Đ không thực hiện nghĩa vụ nộp chi phí giám định.

Tòa án mở phiên tòa tiếp tục giải quyết vụ án. Tại phiên tòa ngày 5/8/2021, chị Đ trình bày chị không ký trên hợp đồng nên không nộp chi phí giám định. Trước khi đi miền Nam thì vợ chồng chị có một ngôi nhà tạm hai gian. Năm 2019 khi chị trở về thì không còn ngôi nhà đó nữa và có một ngôi nhà cấp bốn mới xây, anh M và các con của chị ở trong đó. Về giấy vay nợ chị ký nhưng khi chị ký thì không có nội dung gì, con chị là cháu H có đưa cho chị một tờ giấy trắng bảo chị ký để làm đơn xin miễn giảm học phí cho cháu D. Nội dung vay nợ là do anh H1 viết trên tờ giấy trắng chị ký sẵn. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Đ cho rằng tại phiên tòa anh M thừa nhận tiền vay của anh H1 là vay trước đó để làm nhà chứng tỏ tại thời điểm viết giấy vay thì xác nhận số nợ trước đó chứ không nhận tiền, đề nghị Hồi đồng xét xử xem xét. Đối với hợp đồng chuyển

nhượng đất cho anh H1 có lúc chị Đ khẳng định với Luật sư chị là người kí trên hợp đồng nhưng hiện tại chị thay đổi ý kiến là chị không ký, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Anh M giữ nguyên kháng cáo, anh H1 giữ nguyên ý kiến đã phát biểu tại phiên tòa ngày 07/7/2021.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình:

+ Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện dúng quy Đ của pháp luật.

+ Về nội dung: Về số liệu có tính toán sai nhưng đã có đính chính của án sơ thẩm nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền giải quyết: Tòa án sơ thẩm đã xem xét, xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện các hoạt động tố tụng đúng theo luật định.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Đ rút một phần kháng cáo về nuôi con, về xem xét tư cách tham gia tố tụng của người chị ủy quyền ở cấp sơ thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét nội dung kháng cáo này.

2.1. Xét các nội dung kháng cáo của nguyên đơn chị Đinh Thị thu Đ đối với bản án sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 10/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Kháng cáo về diện tích đất vợ chồng còn thiếu do anh H1 chiếm và xây nhà trái phép: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì trước đây, chị Đ, anh M được nhà nước cấp thửa đất số 132, tờ bản đồ số 08 với diện tích 4.326 m^2, trong đó đất ở 400 m^2 và đất trồng cây lâu năm 3.936 m^2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 760 420 ngày 29/8/2007. Quá trình sử dụng, anh M, chị Đ đã làm thủ tục tách thành ba thửa, trong đó có thửa 317, tờ bản đồ số 8 diện tích 1.718,5 m^2 đã chuyển nhượng cho anh Đinh Xuân H1, chị Đinh Thị Mỹ H (Hợp đồng được chứng thực tại UBND xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình) vào ngày 10/5/2019. Quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, Tòa án không yêu cầu phía người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cung cấp hợp đồng chuyển nhượng đất giữa anh M, chị Đ và anh H1, chị H là có thiếu sót, tuy nhiên đã được bổ sung tại cấp phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn chị Đ không thừa nhận chữ ký tại hợp đồng, yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để giám Đ chữ ký nhưng sau đó không nộp chi phí giám định. Chị Đ cũng không có chứng cứ gì để chứng minh là chị không ký vào hợp đồng chuyển nhượng. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được chứng thực tại UBND xã Hóa Tiến đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của chị Đ về diện tích đất thiếu và anh H1 chiếm dụng đất của anh M, chị Đ là không có căn cứ;

- Về khoản vay tiền của anh H1, chị H, chị Đ cho rằng chị không được vay nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, chị thừa nhận chữ ký của chị trên giấy vay tài sản; tại phiên tòa phúc thẩm chị trình bày chị ký trên tờ giấy trắng sau đó anh H1 viết vào nội dung vay tiền và tờ giấy trắng là do cháu H con chị đưa cho chị ký để xin miễn giảm học phí cho cháu D. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 5/8/2021, cháu H (con anh M, chị Đ, sinh năm 2004) khẳng Đ không có việc cháu đưa tờ giấy trắng cho chị Đ ký. Trước đây cháu H có đưa một tờ đơn đã viết sẵn nội dung để chị Đ ký xin miễn giảm học phí cho em D. Chị Đ không có chứng cứ chứng minh việc mình ký khống trên tờ giấy trắng. Hơn nữa, khoản vay theo anh M trình bày vay làm nhà là có căn cứ bởi vì chính chị Đ cũng thừa nhận trước khi đi thì chưa có nhà xây cấp bốn. Sau khi chị trở về đã có nhà xây cấp bốn và chị cũng nhất trí việc Tòa cấp sơ thẩm đưa ngôi nhà cấp bốn vào tài sản chung của vợ chồng. Vì vậy số nợ vay làm nhà là nợ chung của vợ chồng như án sơ thẩm xét xử là có căn cứ.

2.2. Xét kháng cáo của anh Đinh Xuân M về việc chia tài sản chung của vợ chồng, theo anh chia theo tỉ lệ anh được hưởng 2/3 số tài sản và chị Đ được hưởng 1/3, kháng cáo về khoản tiền anh nuôi ba con trong mười năm 300.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy: Theo khoản 2 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình quy định: Tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính toán đến các yếu tố hoàn cảnh của gia đình, công sức đóng góp, bảo vệ lợi ích chính đáng của mỗi bên trong sản xuất kinh doanh và lỗi của mỗi bên trong vi phạm quyền và nghĩa vụ. Về mặt nguyên tắc, tài sản vợ chồng chia đôi. Anh M xây nhà nhưng số tiền nợ để làm nhà đã chia đôi để trả, anh cũng không có đóng góp gì thêm vào số tài sản chung của vợ chồng. Vì vậy, kháng cáo của anh M được hưởng 2/3 tài sản chung của vợ chồng là không có căn cứ.

Về khoản tiền nuôi con thời gian chị Đ bỏ nhà đi, Hội đồng xét xử thấy theo Điều 71 Luật hôn nhân và gia đình quy định cha mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau cùng nhau chăm sóc con, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Theo chị Đ chị vẫn gửi tiền về nuôi các con thông qua bà ngoại của các cháu; Anh M không chứng minh được trong thời gian này chị Đ không có trách nhiệm với con cái. Vì vậy, nội dung kháng cáo này của anh M không có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định trên thấy không chấp nhận kháng cáo của chị Đ, của anh M, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 20/2021/HNGĐ-ST ngày 10/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa.

[3]. Về án phí: Kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn và bị đơn đều phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, anh M và chị Đ thuộc đối tượng cận nghèo có xác nhận của UBND xã Hóa Tiến nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho anh chị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 157, 227, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 213, 219, 268 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, 29, 33, 37, 38, 51, 55, 62, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Đinh Thị Thu Đ, không chấp nhận kháng cáo của anh Đinh Xuân M, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 20/2021/HNGĐ-ST ngày 10/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

2. Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí phúc thẩm cho anh Đinh Xuân M và chị Đinh Thị Thu Đ. Trả lại cho anh Đinh Xuân M số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng anh đã nộp tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0004431 ngày 08/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Minh Hóa; Trả lại cho chị Đinh Thị Thu Đ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng chị đã nộp tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0004430 ngày 31/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Minh Hóa;

3. Các quyết Đ khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (05/8/2021).

Nơi nhận*:*
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND huyện Minh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Minh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Từ Thị Hải Dương